

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ - IDICO

-----o0o-----

Địa chỉ: Lầu 3 – Khang Thông Building, số 67 Nguyễn Thị Minh Khai – P. Bến Thành

Quận 1 – Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.39259975

Fax: 08.39259976

MST: 3500811001

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 4 NĂM 2013



TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý 4 năm 2013

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		563.279.094.427	553.449.251.741
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		723.638.343	48.390.481.982
1. Tiền	111	V.01	723.638.343	290.481.982
2. Các khoản tương đương tiền	112			48.100.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	33.900.000.000	0
1. Đầu tư ngắn hạn	121		33.900.000.000	
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		329.494.619.323	424.046.277.112
1. Phải thu của khách hàng	131		3.132.346.424	8.857.396.648
2. Trả trước cho người bán	132		1.162.148.933	1.196.798.933
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	327.501.658.211	416.293.615.784
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.301.534.245)	(2.301.534.245)
IV. Hàng tồn kho	140		188.341.417.438	80.058.152.940
1. Hàng tồn kho	141	V.04	188.341.417.438	80.058.152.940
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.819.419.323	954.339.707
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			500.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.627.394.961	280.841.414
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	24.253.649	3.782.109
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		167.770.713	169.716.184
B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200		409.170.176.276	422.316.673.878
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		48.825.000.000	48.825.000.000
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	48.825.000.000	48.825.000.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		18.213.115.852	18.450.083.265
1. TSCĐ hữu hình	221	V.08	663.115.852	900.083.265
- Nguyên giá	222		2.529.647.592	2.507.610.092
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.866.531.740)	(1.607.526.827)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.09		
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. TSCĐ vô hình	227	V.10	0	0

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
- Nguyên giá	228		41.782.000	41.782.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(41.782.000)	(41.782.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	17.550.000.000	17.550.000.000
III. Bất động sản đầu tư	240			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		326.027.391.454	338.887.391.454
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		215.515.000.000	215.515.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	147.882.391.454	147.882.391.454
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(37.370.000.000)	(24.510.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		16.104.668.970	16.154.199.159
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	16.104.668.970	16.154.199.159
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268			
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270		972.449.270.703	975.765.925.619
A. Nợ phải trả (300=310+330)	300		132.000.235.180	129.865.662.886
I. Nợ ngắn hạn	310		132.000.235.180	129.807.677.436
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	101.620.000.000	101.620.000.000
2. Phải trả người bán	312		4.244.993.974	274.238.403
3. Người mua trả tiền trước	313		12.500.000	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	839.485.532	2.954.632.589
4.1 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước 3331	314A	V.16		1.115.147.049
4.2 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước 3334	314B	V.16	839.485.532	1.839.485.532
4.3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước 3337	314C	V.16		
4.4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước 33383	314D	V.16		
4.5 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước 33313	314E	V.16		
4.6 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước 33381	314F	V.16		
4.7 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước 33382	314K	V.16		
4.8 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước 3335	314G	V.16		
4.9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước 33388	314H	V.16		
5. Phải trả người lao động	315			
6. Chi phí phải trả	316	V.17	228.266.978	531.472.206
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	24.060.814.157	23.186.225.008
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		1.014.616.591	1.165.606.290
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		(20.442.052)	75.502.948
II. Nợ dài hạn	330		0	57.985.450
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333		0	0

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20		
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			57.985.450
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. Vốn chủ sở hữu (400=410+430)	400		840.449.035.523	845.900.262.733
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	840.449.035.523	845.900.262.733
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		827.222.120.000	827.222.120.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(966.317.486)	(963.047.282)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.938.524.280	3.938.524.280
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.325.613.947	8.325.613.947
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		949.808.972	949.808.972
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		979.285.810	6.427.242.816
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432	V.23		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tscđ	433			
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	440		972.449.270.703	975.765.925.619
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán				
1. Tài sản thuê ngoài		V.24		
2. Vật tư, hàng hoá giữ hộ, nhận gia công				
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược				
4. Nợ khó đòi đã xử lý				
5. Ngoại tệ các loại				
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2014

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Lê Thị Kim Anh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Phạm Quang Tùng



Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Mạnh Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 4 năm 2013

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 4/2013		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	2.800.224.022	8.013.451.491	24.572.712.001	80.029.990.674
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01- 02)	10		2.800.224.022	8.013.451.491	24.572.712.001	80.029.990.674
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	2.564.621.728	7.681.356.440	23.547.664.724	75.629.725.078
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		235.602.294	332.095.051	1.025.047.277	4.400.265.596
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	5.218.984.853	4.833.910.807	18.966.593.639	21.126.335.506
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	(4.346.418.999)	458.700.072	14.562.058.255	16.709.172.383
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(1.519.218.999)	(3.532.281.455)	1.702.058.255	2.155.247.434
8. Chi phí bán hàng	24		115.130.159	136.165.756	454.839.395	413.841.872
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.851.476.436	4.509.914.765	10.470.761.000	12.234.661.876
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		6.834.399.551	61.225.265	(5.496.017.734)	(3.831.075.029)
11. Thu nhập khác	31			419.090.909	76.533.650	4.783.745.169
12. Chi phí khác	32		14.117.560	268.947.393	28.472.922	600.440.620
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(14.117.560)	150.143.516	48.060.728	4.183.304.549
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		6.820.281.991	211.368.781	(5.447.957.006)	352.229.520
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30				
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		6.820.281.991	211.368.781	(5.447.957.006)	352.229.520
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Lê Thị Kim Anh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Phạm Quang Tùng

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2014

Giám Đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Mạnh Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 4 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		23.058.272.929	129.058.394.392
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(25.073.956.786)	(78.008.268.441)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.738.518.774)	(4.661.397.917)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(26.500.000)	
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.000.000.000)	(1.685.059.338)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		24.062.722.286	19.424.746.698
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(8.444.413.933)	(8.516.212.861)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.837.605.722	55.612.202.533
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ t/lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(46.095.612.450)	(17.822.738.749)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.624.588.014)	(3.583.480.737)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.715.751.103	706.404.466
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(47.004.449.361)	(20.699.815.020)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả v/góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã p/hành	32			(15.000.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(9.500.000.000)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
7. Chi từ các quỹ của doanh nghiệp	37			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9.500.000.000)	(15.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(47.666.843.639)	34.897.387.513
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		48.390.481.982	13.493.094.469
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		723.638.343	48.390.481.982

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2014

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Lê Thị Kim Anh

Phạm Quang Tùng

Trần Mạnh Dũng



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ – IDICO

Lầu 3 – Khang Thông Building, số 67 Nguyễn Thị Minh Khai
Phường Bến Thành, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán

Từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2013

MẪU SỐ B 09a - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư KCN Dầu khí IDICO Long Sơn được thành lập và chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000409 ngày 09/08/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp lần đầu với vốn điều lệ 827.222.120.000 đồng.

Sau khi chuyển trụ sở làm việc từ Thành phố Vũng Tàu lên Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2011 Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng thương mại Dầu khí – IDICO theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500811001 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 14/07/2011.

Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500811001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 28/09/2011.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm xây dựng công trình dân dụng; Xây dựng công trình công nghiệp; Công trình giao thông (cầu, đường, cống); Xây dựng công trình thủy lợi; Xây dựng công trình ngầm dưới đất, dưới nước; Xây dựng công trình đường ống cấp- thoát nước; Xây dựng kết cấu công trình; Xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, khu đô thị; Trang trí nội, ngoại thất công trình; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh cơ sở hạ tầng và các dịch vụ có liên quan trong khu công nghiệp, khu đô thị; Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng. Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế; Kinh doanh vật tư, máy móc, thiết bị ngành công nghiệp, dầu khí, khai khoáng, lâm nghiệp, nông nghiệp và xây dựng.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm dương lịch.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam và phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho doanh nghiệp được quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ - IDICO

Lầu 3 – Khang Thông Building, số 67 Nguyễn Thị Minh Khai
Phường Bến Thành, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán

Từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2013

MẪU SỐ B 09a - DN

Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành, cụ thể:

- Quyết định số 149/2001/QĐ - BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ - BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ - BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ - BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 4);
- Quyết định số 100/2005/QĐ - BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 5);
- Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện 16 Chuẩn mực kế toán ban hành theo QĐ số 149/2001/QĐ-BTC, QĐ số 165/2002/QĐ-BTC và QĐ số 234/2003/QĐ-BTC.

Cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính này, Công ty không áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 07 - Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG:

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền: Tiền mặt, Tiền gửi Ngân hàng, Tiền đang chuyển và các khoản đầu tư NH.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang đồng tiền Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: theo giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua + chi phí chế biến + các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có hàng tồn kho tại thời điểm hiện tại.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho;
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho;
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

30
01
02
TU
HUK
UK
TF

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư.

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính): Theo nguyên giá và giá trị hao mòn.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính).

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư.

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn;

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác;

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay;

- Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ;

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

- Chi phí trả trước;

- Chi phí khác;

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước;

- Phương pháp và thời gian phân bổ lợi thế thương mại;

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.****10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:**

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu bán hàng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ.

- Doanh thu hoạt động tài chính.

- Doanh thu hợp đồng xây dựng.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính.**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.****14. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái.****15. Các phương pháp và phương pháp kế toán khác.****Điều chỉnh hồi tố**

Trong năm 2013, Công ty đã xem xét lại bản chất của các nghiệp vụ liên quan đến việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn, một số khoản công nợ phải thu tiền cổ tức các năm 2010 và năm 2011 để thực hiện trình bày lại một số chỉ tiêu đầu kỳ tương ứng của Báo cáo tài chính năm 2012. Cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012

TÀI SẢN	MS	Sau điều chỉnh VND	Trước điều chỉnh VND	Chênh lệch VND
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	553.449.251.741	555.750.785.986	(2.301.534.245) (3)
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130	424.046.277.112	426.347.811.357	(2.301.534.245) (3)
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(2.301.534.245)	0	(2.301.534.245) (3)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	975.765.925.619	978.067.459.864	(2.301.534.245) (3)

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ – IDICO

Lầu 3 – Khang Thông Building, số 67 Nguyễn Thị Minh Khai
Phường Bến Thành, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán

Từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2013

MẪU SỐ B 09a - DN

NGUỒN VỐN	MS	Sau điều chỉnh VND	Trước điều chỉnh VND	Chênh lệch VND
A- NỢ PHẢI TRẢ	300	129.865.662.886	136.322.767.053	(6.457.104.167) (2)
I- Nợ ngắn hạn	310	129.807.677.436	136.264.781.603	(6.457.104.167) (2)
9. Các khoản phải trả, nộp khác	319	23.186.225.008	29.643.329.175	(6.457.104.167) (2)
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	845.900.262.733	841.744.692.811	4.155.569.922 (1)+(4)
I- Vốn chủ sở hữu	410	845.900.262.733	841.744.692.811	4.155.569.922 (1)+(4)
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	8.325.613.947	4.335.613.947	3.990.000.000 (1)
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	6.427.242.816	6.261.672.894	165.569.922 (4)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	975.765.925.619	978.067.459.864	(2.301.534.245) (3)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

CHỈ TIÊU	MS	Sau điều chỉnh VND	Trước điều chỉnh VND	Chênh lệch VND
Chi phí tài chính	22	16.709.172.383	19.176.276.550	(2.467.104.167) (1)+(2)
- Chi phí lãi vay	23	2.155.247.434	8.612.351.601	(6.457.104.167) (2)
- Chi phí trích lập dự phòng		14.469.391.877	10.479.391.877	3.990.000.000 (1)
- Chi phí tài chính khác		84.533.072	84.533.072	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	12.234.661.876	9.933.127.631	2.301.534.245 (3)
Lợi nhuận sau thuế	60	352.229.520	186.659.598	165.569.922 (4)

(1): Công ty điều chỉnh bút toán hạch toán khoản trích lập dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn với số tiền 3.990.000.000 đồng và hạch toán vào chi phí tài chính thay vì trích từ quỹ dự phòng tài chính để bù đắp như đã hạch toán.

(2): Công ty điều chỉnh bút toán hạch toán chi phí lãi vay phải trả Tổng công ty CP xây lắp Dầu khí Việt Nam theo Thông báo số 8259/TB-DKVN ngày 14/11/2013 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với số tiền chi phí lãi vay giảm 6.457.104.167 đồng làm cho các khoản phải trả, phải nộp khác giảm tương ứng 6.457.104.167 đồng và lợi nhuận năm 2012 tăng lên một khoản tương ứng.

(3): Công ty hạch toán khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi công nợ phải thu tiền cổ tức các năm 2010 và năm 2011 với tổng số tiền 2.301.534.245 đồng. Cụ thể như sau:

- Trích lập dự phòng phải thu khó đòi tiền cổ tức năm 2010 phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc với số tiền 1.223.534.245 đồng

- Trích lập dự phòng phải thu khó đòi tiền cổ tức năm 2010 phải thu Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí với số tiền 987.000.000 đồng

- Trích lập dự phòng phải thu khó đòi tiền thuê xe phải thu Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí với số tiền 91.000.000 đồng

(4): Lợi nhuận của Công ty tăng lên do điều chỉnh do tổng hợp các bút toán điều chỉnh như trên.

100
TY
AN
DU
MAI
IDIC
OC

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ – IDICO

Lầu 3 – Khang Thông Building, số 67 Nguyễn Thị Minh Khai
Phường Bến Thành, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán

Từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2013

MẪU SỐ B 09a - DN

IV. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính : VND

	31/12/2013	31/12/2012
01. Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền mặt	189.899.567	54.672.377
Tiền gửi ngân hàng	533.738.776	235.809.605
- Ngân hàng Vietcombank – CN Bến Thành	53.029.463	81.234.672
- Ngân hàng TMCP Quốc tế - CN Sài Gòn	4.078.978	4.925.325
- Ngân hàng Đại Dương - CN Sài Gòn	7.351.049	7.232.649
- Ngân hàng NN & PTNT – CN Quận 5	2.775.545	4.092.290
- Ngân hàng TMCP Quốc tế - CN Sài Gòn (tài khoản chuyên trả cổ tức cho các cổ đông	8.933.491	7.293.930
- Ngân hàng TMCP Nam Á – CN Ngã Bảy	457.570.250	131.030.739
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng)		48.100.000.000
- Tổng Cty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam – CN Vũng Tàu		21.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Nam Á – CN Ngã Bảy		27.100.000.000
Cộng	723.638.343	48.390.481.982
02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:	31/12/2013	31/12/2012
Các khoản tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính có kỳ hạn trên 3 tháng	33.900.000.000	
Cộng	33.900.000.000	0
03. Các khoản phải thu khác	31/12/2013	31/12/2012
Phải thu tiền cổ tức:		
- Công ty Cổ phần nội ngoại thất Dầu Khí	987.000.000	987.000.000
- Công ty Cổ phần đầu tư và xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	1.223.534.245	1.223.534.245
Phải thu từ chuyển nhượng vốn góp, cổ phần:		
- Công ty Cổ phần Tổng công ty Xây dựng Dầu khí Nghệ An	111.668.396.111	111.668.396.111
Phải thu Nhà điều hành dự án Chung cư Huỳnh Tấn Phát	163.278.975.610	142.728.280.365
Phải thu khoản phân chia lợi nhuận bán căn hộ:		
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Địa ốc Khang Gia	2.898.582.304	4.285.465.295
- Công ty TNHH Địa ốc Đất Lành	11.593.307	87.765.956
- Công ty TNHH Nam Long	737.205.269	882.868.905
Đầu tư các dự án không hình thành cơ sở đồng kiểm soát:		
- Dự án chung Cư Thái An 3 & 4	999.737.800	51.139.345.806
- Dự án chung Cư Khang Gia- Lucky Apartment	18.349.803.125	19.971.514.282
- Dự án chung Cư Khang Gia- Gò Vấp	3.030.980.727	64.138.545.462
- Dự án khu dân cư Nam Long, Tỉnh Long An	17.795.556.769	17.795.556.769
- Dự án chung Cư Khang gia P.4- Q.8 – T/P.HCM	5.000.000.000	
Phải thu do trích trước lãi tiền gửi tại ngày 30/06/2013:		

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ – IDICO

Lầu 3 – Khang Thông Building, số 67 Nguyễn Thị Minh Khai
 Phường Bến Thành, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán

Từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2013

MẪU SỐ B 09a - DN

- Tổng Cty Tài chính CP DK Việt Nam – CN Vũng Tàu		435.750.000
- Ngân hàng TMCP Nam Á – Chi nhánh Ngã Bảy	636.115.413	53.947.049
Phải thu khác	884.177.531	895.645.539
Cộng	327.501.658.211	416.293.615.784

04. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	31/12/2013	31/12/2012
- Công ty Cổ phần Thiết bị Nội Ngoại thất Dầu Khí	1.078.000.000	1.078.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	1.223.534.245	1.223.534.245
Cộng	2.301.534.245	2.301.534.245

05. Hàng tồn kho	31/12/2013	31/12/2012
Hàng mua đang đi đường		
Nguyên liệu, vật liệu		
Công cụ, dụng cụ		
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	76.599.082.635	73.215.304.778
Thành phẩm		
Hàng hoá bất động sản	111.742.334.803	6.842.848.162
Cộng giá gốc hàng tồn kho	188.341.417.438	80.058.152.940

* Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả: 0 đồng.

* Giá trị trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm là 0 đồng Việt Nam, giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: 0 đồng.

06. Thuế và các khoản phải thu nhà nước.	31/12/2013	31/12/2012
Thuế GTGT được khấu trừ	10.627.394.961	280.841.414
Cộng	10.627.394.961	280.841.414

07. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2013	31/12/2012
Tạm ứng phục vụ công tác SXKD	164.192.145	162.951.640
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.578.568	6.764.544
Cộng	167.770.713	169.716.184

08. Phải thu dài hạn khác	31/12/2013	31/12/2012
Dự án Khu nhà ở thương mại Tương Bình Hiệp, thị xã Thủ Dầu Một, Bình Dương	48.825.000.000	48.825.000.000
Cộng	48.825.000.000	48.825.000.000



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ - IDICO

Lầu 3 – Khang Thông Building, số 67 Nguyễn Thị Minh Khai
 Phường Bến Thành, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán
 Từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2013

MẪU SỐ B 09a - DN**09. Tài sản cố định hữu hình (chi tiết xem Phụ lục số 01-kèm theo)****10. Tài sản cố định vô hình**

<i>Khoản mục</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm kế toán</i>	<i>Cộng</i>
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ (30/09/2013)	0	41.782.000	41.782.000
- Mua trong kỳ	0	0	0
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	0	0	0
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	0	0	0
- Tăng khác	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0
- Giảm khác	0	0	0
Số dư cuối kỳ (31/12/2013)	0	41.782.000	41.782.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ (30/09/2013)	0	41.782.000	41.782.000
- Khấu hao trong kỳ	0	0	0
- Tăng khác	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0
- Giảm khác	0	0	0
Số dư cuối kỳ (31/12/2013)	0	41.782.000	41.782.000
Giá trị còn lại			
- Tại ngày đầu kỳ (30/09/2013)	0	0	0
- Tại ngày cuối kỳ (31/12/2013)	0	0	0

SỐ
CÓ
CỔ
ĐẦU
TƯ
THỰC
JUK
TP.

11. Bất động sản đầu tư

Nguyên giá	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Quyền sử dụng đất	0	0	0	0
Nhà	0	0	0	0
Nhà và quyền sử dụng đất	0	0	0	0
Cơ sở hạ tầng	0	0	0	0
Giá trị hao mòn lũy kế				
Quyền sử dụng đất	0	0	0	0
Nhà	0	0	0	0
Nhà và quyền sử dụng đất	0	0	0	0
Cơ sở hạ tầng	0	0	0	0
Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư				
Quyền sử dụng đất	0	0	0	0
Nhà	0	0	0	0
Nhà và quyền sử dụng đất	0	0	0	0
Cơ sở hạ tầng	0	0	0	0

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ – IDICO

Lầu 3 – Khang Thông Building, số 67 Nguyễn Thị Minh Khai
 Phường Bến Thành, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán

Từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2013

Mẫu số B 09a - DN

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2013	31/12/2012
Dự án Khách sạn Dầu khí Kinh Bắc	17.550.000.000	17.550.000.000
Cộng	17.550.000.000	17.550.000.000
13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	31/12/2013	31/12/2012
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội Ngoại thất Dầu khí	14.000.000.000	14.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Phú Đạt	201.515.000.000	201.515.000.000
Cộng	215.515.000.000	215.515.000.000
14. Đầu tư dài hạn khác	31/12/2013	31/12/2012
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	28.500.000.000	28.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đak Mì	80.000.000.000	80.000.000.000
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	28.382.391.454	28.382.391.454
Cộng	147.882.391.454	147.882.391.454
15. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	31/12/2013	31/12/2012
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	23.370.000.000	24.510.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội Ngoại thất Dầu khí	14.000.000.000	
Cộng	37.370.000.000	24.510.000.000
16. Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2013	31/12/2012
Giá trị công cụ, dụng cụ chưa phân bổ		14.941.794
Chi phí thuê văn phòng tại lầu 3- Khang Thông Building số 67 Nguyễn Thị Minh Khai – P. Bến Thành – Q1 – TP.HCM	13.950.883.485	16.139.257.365
Chi phí bảo trì các căn hộ chung cư chờ phân bổ	2.153.785.485	
Cộng	16.104.668.970	16.154.199.159
17. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2013	31/12/2012
Vay ngắn hạn	101.620.000.000	101.620.000.000
<i>Tổng Công ty cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam</i>	<i>101.620.000.000</i>	<i>101.620.000.000</i>
Nợ dài hạn đến hạn trả	0	0
Cộng	101.620.000.000	101.620.000.000
18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2013	31/12/2012
Thuế giá trị gia tăng		1.115.147.049
Thuế thu nhập doanh nghiệp	839.485.532	1.839.485.532
Thuế thu nhập cá nhân		

81
 VG
 PHA
 XAY
 NG A
 HÍ- II
 HỒ

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ – IDICO

Lầu 3 – Khang Thông Building, số 67 Nguyễn Thị Minh Khai
 Phường Bến Thành, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán

Từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2013

MẪU SỐ B 09a - DN

Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Cộng

839.485.532

2.954.632.581

Thuế Giá trị gia tăng

Công ty áp dụng luật thuế giá trị gia tăng với phương pháp tính thuế là phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bằng 25 % (Hai mươi lăm phần trăm).

Các loại thuế khác

Công ty áp dụng các loại sắc thuế khác như thuế môn bài, thuế thu nhập cá nhân.. theo đúng quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế.

19. Chi phí phải trả

Trích trước chi phí

Cộng

31/12/2013

228.266.978

31/12/2012

531.472.206

228.266.978

531.472.206

20. Các khoản phải trả phải nộp khác

Kinh phí công đoàn

Bảo hiểm xã hội

Bảo hiểm Y tế

Bảo hiểm thất nghiệp

Cổ tức năm 2008 và 2009 còn phải trả cho các cổ đông

Cổ tức năm 2010 phải trả cho các cổ đông

Lãi vay ngắn hạn phải trả cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu Khí Việt Nam

Các khoản phải trả, phải nộp khác

Cộng

31/12/2013

53.437.200

17.797.561

6.491.693

2.711.492

8.475.210.137

3.418.700.300

11.894.009.578

192.456.196

24.060.814.157

31/12/2012

51.726.422

14.473.441

6.295.493

2.624.292

9.088.777.637

3.553.762.850

10.218.451.323

250.113.550

23.186.225.008

21. Vay và nợ dài hạn

Dự phòng trợ cấp mất việc làm

31/12/2013

0

31/12/2012

57.985.450

100
CY
N
DỰN
TẠI
IDICO
CHỈ

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ - IDICO

Lầu 3 - Khang Thông Building, số 67 Nguyễn Thị Minh Khai
 Phường Bến Thành, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán

Từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2013

Mẫu số B 09a - DN

0

57.985.450

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại ngày 01/01/2012	827.222.120.000	2.818.906.337	7.205.996.004	9.122.938.540
Tăng trong năm		1.119.617.943	5.109.617.943	6.643.763.765
Lãi trong năm				186.659.598
Phân phối lợi nhuận		1.119.617.943	1.119.617.943	
Điều chỉnh hồi tố			3.990.000.000	6.457.104.167
Tăng khác				
Giảm trong năm			3.990.000.000	9.339.459.489
Phân phối lợi nhuận				3.047.925.244
Trả lãi cổ tức				
Điều chỉnh hồi tố				6.291.534.245
Giảm khác			3.990.000.000	
Số dư tại ngày 31/12/2012	827.222.120.000	3.938.524.280	8.325.613.947	6.427.242.816
Số dư tại ngày 01/01/2013	827.222.120.000	3.938.524.280	8.325.613.947	6.427.242.816
Tăng trong năm 2013				
Lãi trong năm 2013				
Phân phối lợi nhuận				
Tăng khác				
Giảm trong năm 2013				5.447.957.006
Lỗ trong năm 2013				5.447.957.006
Phân phối lợi nhuận				
Trả lãi cổ tức				
Giảm khác				
Số dư tại ngày 31/12/2013	827.222.120.000	3.938.524.280	8.325.613.947	979.285.810

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2013	31/12/2012
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)	132.360.050.000	132.360.050.000
Tổng công ty đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam (IDICO)	70.641.030.000	70.641.030.000
Các cổ đông cá nhân khác	624.221.040.000	624.221.040.000
Cộng	827.222.120.000	827.222.120.000

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	31/12/2013	31/12/2012
Doanh thu hợp đồng xây dựng		
Doanh thu bán vật tư xây dựng	24.330.984.728	79.902.899.765

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ - IDICO

Lầu 3 – Khang Thông Building, số 67 Nguyễn Thị Minh Khai
 Phường Bến Thành, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

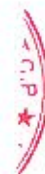
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán

Từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2013

MẪU SỐ B 09a - DN

Doanh thu cung cấp dịch vụ	241.727.273	127.090.909
Doanh thu hoạt động khác		
Cộng	24.572.712.001	80.029.990.674
24. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	31/12/2013	31/12/2012
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng		
Doanh thu thuần bán hàng hóa	24.330.984.728	79.902.899.765
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	241.727.273	127.090.909
Doanh thu hoạt động khác		
Cộng	24.572.712.001	80.029.990.674
25. Giá vốn hàng bán	31/12/2013	31/12/2012
Giá vốn của công trình xây dựng		
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	23.547.664.724	75.629.725.078
Giá vốn của hoạt động khác		
Cộng	23.547.664.724	75.629.725.078
26. Doanh thu hoạt động tài chính	31/12/2013	31/12/2012
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	16.824.985.652	15.980.736.575
Thu nhập từ bán căn hộ	1.650.326.244	1.823.892.580
Lãi chậm thanh toán của các hợp đồng	491.281.743	3.321.706.351
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Cộng	18.966.593.639	21.126.335.506
27. Chi phí hoạt động tài chính	31/12/2013	31/12/2012
Lãi tiền vay	1.702.058.255	2.155.247.434
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	12.860.000.000	14.469.391.877
Chi phí tài chính khác		84.533.072
Cộng	14.562.058.255	16.709.172.383
28. Thu nhập khác	31/12/2013	31/12/2012
Thu từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định		740.000.000
Thu nhập khác	76.533.650	4.043.745.169
Cộng	76.533.650	4.783.745.169
29. Chi phí khác	31/12/2013	31/12/2012
Chi phí khác	28.472.922	600.440.620
Cộng	28.472.922	600.440.620



	Mẫu số B 09a - DN	
	31/12/2013	31/12/2012
30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế TNDN phát sinh	0	0
Cộng	0	0

Chỉ tiêu	Từ 01/10/2013 đến 31/12/2013	Ghi chú
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.820.281.991	(1)
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế	145.257.848	(2)
- Chi phí không được trừ	145.257.848	
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế	6.965.539.839	(3)
- Thu nhập không chịu thuế	612.014.383	
- Điều chỉnh do chuyển lỗ	6.353.525.456	
Thu nhập chịu thuế	0	(4) = (1)+(2)-(3)
Thuế suất thu nhập doanh nghiệp (tỷ lệ %)	25	(5)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong quý 4/2013	0	(6) = (4) x (5)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	0	

Chỉ tiêu	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013	Ghi chú
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(5.447.957.006)	(1)
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế	519.937.510	(2)
- Chi phí không được trừ	519.937.510	
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế	1.650.326.244	(3)
- Thu nhập không chịu thuế	1.650.326.244	
- Điều chỉnh do chuyển lỗ		
Thu nhập chịu thuế	(4.317.568.272)	(4) = (1)+(2)-(3)
Thuế suất thu nhập doanh nghiệp (tỷ lệ %)	25	(5)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong quý 4/2013	0	(6) = (4) x (5)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	0	

VI. Các thông tin khác

31. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các giao dịch với nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013
HĐQT, BGD và Ban kiểm soát	Lương	2.095.237.485
	Các khoản khác	15.600.000
Tổng		2.110.837.485

350
 CC
 CC
 UT
 TH
 AU
 - T

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ – IDICO

Lầu 3 – Khang Thông Building, số 67 Nguyễn Thị Minh Khai
 Phường Bến Thành, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán

Từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2013

MẪU SỐ B 09a - DN

Giao dịch với các bên liên quan khác:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Từ 01/01/2013 đến 31/12/2013
Lãi tiền vay		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Cổ đồng sáng lập	1.675.558.255
Lãi tiền gửi		
Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam – CN Vũng Tàu		435.750.000

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2013	31/12/2012
Phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí		91.000.000	91.000.000
Tổng		91.000.000	91.000.000
Ứng trước cho nhà cung cấp			
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn		1.559.361	1.559.361
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam (IDICO)		875.589.572	875.589.572
Tổng		877.148.933	877.148.933
Phải thu khác			
Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam – CN Vũng Tàu			435.750.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí		987.000.000	987.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc		1.223.534.245	1.223.534.245
Công ty Cổ phần Tổng công ty Xây dựng Dầu khí Nghệ An		111.668.396.111	111.668.396.111
Tổng		113.878.930.356	114.314.680.356
Phải trả khác			
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam		11.894.009.578	10.218.451.323
Tổng		11.894.009.578	10.218.451.323
Vay ngắn hạn			
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam		101.620.000.000	101.620.000.000
Tổng		101.620.000.000	101.620.000.000

Chỉ tiêu Quỹ khen thưởng phúc lợi, Doanh thu chưa thực hiện, Các khoản phải trả phải nộp khác được phân loại lại để so sánh theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ - IDICO

Lầu 3 - Khang Thông Building, số 67 Nguyễn Thị Minh Khai
Phường Bến Thành, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán

Từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2013

MẪU SỐ B 09a - DN

Lợi nhuận Quý IV năm 2013 của Công ty cao hơn quý IV năm 2012 vì các lý do sau:

- Tại thời điểm 31/12/2013, do cổ phiếu của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn tăng giá so với giá tại thời điểm đã trích lập trước đây (30/06/2013) nên công ty đã hoàn nhập khoản trích lập dự phòng cho cổ phiếu của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn đang niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quy định của Bộ Tài chính, điều này góp phần làm cho lợi nhuận Quý IV năm 2013 tăng lên.
- Chi phí lãi vay phải trả Tổng công ty CP xây lắp Dầu khí Việt Nam được giảm theo Thông báo của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tăng lên làm cho lợi nhuận của Công ty cao hơn so với quý IV năm 2012.

Lập, ngày 20 tháng 01 năm 2014

Người lập biểu

Lê Thị Kim Anh

Kế toán trưởng

Phạm Quang Tùng

Giám đốc

Trần Mạnh Dũng



1100
CÔNG TY
XÂY DỰNG
THƯƠNG MẠI
DẦU KHÍ
IDICO
5 CH

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ KCN DẦU KHÍ IDICO LONG SƠN
Lầu 3 – Khang Thông Building, số 67 Nguyễn Thị Minh Khai
Phường Bến Thành, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ kế toán
Từ ngày 01/10/2013 đến ngày 31/12/2013

MẪU SỐ B 09 - DN
Phụ lục : 01

THUYẾT MINH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình						
Số dư đầu kỳ (30/09/2013)			2.162.024.560	367.623.032		2.529.647.592
-Mua trong kỳ						
-Đầu tư XDCTB hoàn thành						
-Tăng khác (điều chỉnh)						
-Chuyển sang BĐS đầu tư						
-Thanh lý, nhượng bán.						
-Giảm khác (điều chỉnh)						
Số dư cuối kỳ (31/12/2013)			2.162.024.560	367.623.032		2.529.647.592
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ (30/09/2013)			1.457.573.806	356.564.907		1.814.138.713
-Khấu hao trong kỳ			46.889.205	5.503.822		52.393.027
-Tăng khác						
-Chuyển sang BĐS đầu tư						
-Thanh lý, nhượng bán.						
-Giảm khác.						
Số dư cuối kỳ (31/12/2013)			1.504.463.011	362.068.729		1.866.531.740
Giá trị còn lại của TSCĐ HH						
-Tại ngày đầu kỳ (30/09/2013)			704.450.754	11.058.125		715.508.879
-Tại ngày cuối kỳ (31/12/2013)			657.561.549	5.554.303		663.115.852

MINH * 8/01/0